

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ XUNG ĐỘT TỘC NGƯỜI, TÔN GIÁO Ở ĐÔNG NAM Á

LÊ HẢI ĐĂNG *

Tóm tắt: *Xung đột tộc người, tôn giáo luôn là mối bận tâm của nhiều quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Các nước trong khu vực này đều có bức tranh chung là đa tộc người. Các tộc người trong mỗi nước có số lượng và trình độ phát triển kinh tế - xã hội khác nhau. Hơn thế nữa, mỗi tộc người đều được khu biệt với các đặc điểm dân tộc học, ngôn ngữ, tín ngưỡng và ngoại hình chủng tộc riêng. Xuất phát từ thực tế phức tạp như vậy nên giữa các tộc người, tôn giáo khác nhau dễ nảy sinh mâu thuẫn. Trong lịch sử, nhiều cuộc xung đột tộc người, tôn giáo đã để lại những hậu quả rất nặng nề, thậm chí gây ra những cuộc chiến tranh với danh nghĩa bảo vệ sự tôn nghiêm của tôn giáo. Bài viết tập trung tổng quan các nguyên nhân của xung đột tộc người, tôn giáo tại khu vực này nhằm mục đích giúp người đọc hiểu sâu sắc hơn bản chất của vấn đề nêu trên.*

Từ khóa: *xung đột, xung đột tộc người, xung đột tôn giáo.*

Tại Đông Nam Á, xung đột tộc người, tôn giáo diễn ra hết sức phức tạp. Ở Myanmar đã xảy ra xung đột tôn giáo giữa người theo Phật giáo đa số và người theo Islam giáo thiểu số, gây ra nhiều vụ bạo động, cướp đi sinh mạng của nhiều người trong nhiều năm trở lại đây. Tương tự, ở Thái Lan, tình hình xung đột giữa người thiểu số theo Islam giáo và những người đa số theo Phật giáo đã khiến ba tỉnh miền Nam Thái Lan luôn trong tình trạng căng thẳng. Ở Malaysia xảy ra xung đột giữa những người theo Islam giáo và những người theo Công giáo, giữa những người

theo Islam giáo quá khích với những người theo Islam giáo Ahmadiyah; họ đã đốt phá nhiều nhà thờ, thánh đường, cơ sở tôn giáo. Với Indonesia, các cuộc xung đột giữa những người theo Islam giáo và những người theo Công giáo cũng diễn ra hết sức gay gắt, gây ra những hậu quả nhất định cho đất nước vạn đảo này, v.v... Để giải quyết tốt vấn đề xung đột, cần thiết phải tìm ra những nguyên nhân gây nên xung đột; đây luôn là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách. Qua các tài liệu đã công bố, chúng tôi cố gắng tìm hiểu, tổng hợp và khái quát thành một số nguyên nhân cơ bản như sau:

* PGS.TS Lê Hải Đăng, Viện Thông tin Khoa học xã hội.

1. Nguyên nhân lịch sử

Đó là những mâu thuẫn tích tụ từ hàng thập kỷ trước đây, cũng có thể là những hận thù sâu xa từ xưa để lại. Các cuộc xung đột ở Myanmar diễn ra giữa người Miến theo Phật giáo và người Rohingya theo Islam giáo, ở Indonesia là giữa những người Ambon theo Ki-tô giáo và người theo Islam giáo khu vực quần đảo Maluku, v.v...

Quần đảo Maluku (Indonesia) được chia thành hai tỉnh Maluku và Bắc Maluku, nằm ở phía Đông Indonesia, giữa Sulawesi và Papua, có thủ phủ Ambon¹¹. Những người Ambon theo Ki-tô giáo thời thực dân Bồ Đào Nha (từ năm 1513) và tiếp đến là Hà Lan (năm 1605) ở Indonesia trở thành một tầng lớp đặc biệt có phẩm hàm, địa vị trong xã hội. Khi đó, người Ki-tô giáo được hưởng nhiều ưu đãi, còn người Islam giáo thì không. Tuy nhiên, sau khi Indonesia giành được độc lập (năm 1949), do chương trình thu hút người Islam giáo tới đây nhập cư nên đến thập kỷ 70 của thế kỷ XX, người Islam giáo đã chiếm ưu thế hơn so với người Ki-tô giáo và người Ki-tô giáo cảm thấy bị đối xử lạnh nhạt. Hệ quả tất yếu của sự phân tầng và ưu đãi không công bằng là mâu thuẫn gay gắt và sự chia rẽ giữa người theo Ki-tô giáo với người theo đạo Islam tại Ambon¹². Hiệp ước hòa bình giữa hai nhóm tôn giáo này, do chính phủ tài trợ, được ký vào năm 2002, gần đây hơn là vào tháng 3-5/2012 và tháng 7-8/2014, tuy vẫn còn hiệu lực nhưng cũng không ngăn chặn được triệt để xung đột xảy ra¹³.

Tại bang Rakhine (Myanmar), xung đột giữa người Miến theo Phật giáo và người Rohingya theo Islam giáo cũng xuất phát

từ lịch sử. Có thể Phật giáo vào Myanmar từ những năm đầu Công nguyên, nhưng phải đến triều đại Bagan (1044 – 1278) dưới thời vua Anorath mới phát triển, bởi đế vương là người mộ đạo. Kể từ đó, Phật giáo tiếp tục được mở mang, nhất là trong giai đoạn trị vì của vua Kyanditha (1084 - 1112). Hiện nay, chính phủ luôn có chính sách ưu tiên phát triển Phật giáo mặc dù có sự hiện diện của nhiều tôn giáo khác, đây là nguyên nhân tạo ra xung đột dưới vỏ bọc tôn giáo. Bang Rakhine cũng là nơi có đa số người Miến theo Phật giáo. Trong khi đó, nhiều người Rohingya sinh sống ở Rakhine có thể có nguồn gốc tổ tiên ở một vương quốc độc lập gọi là Arakan hàng trăm năm trước (thành phố Sittwe - thuộc bang Rakhine của Myanmar - còn có tên gọi là Akyab), nay đã trở thành bang Rakhine, Myanmar. Vào năm 1826, người Anh thắng người Miến trong cuộc chiến Anh - Miến đầu tiên và sáp nhập vùng Arakan - một dải đất màu mỡ bên bờ vịnh Bengale - vào thuộc địa Miến Điện của họ. Vùng đất này có một bộ phận dân cư gồm cả những người Phật giáo và người Islam giáo đã sinh sống tương đối ôn hòa ít nhất từ khoảng thế kỷ XIV đến thế kỷ XVIII. Những người Arakan theo Islam giáo được gọi là Rohingya, dựa trên cái tên lịch sử của vùng đất họ cư trú là vùng Rohang. Khi đó, người Anh cũng đưa về mảnh đất này hàng trăm nghìn người gốc Ấn Độ (theo Phật giáo). Năm 1930 và 1937, nhiều cuộc truy sát đã diễn ra nhằm vào người gốc Ấn tại Rangoon. Năm 1942, khi người Nhật chiếm Miến Điện, những hậu duệ của người gốc Ấn Độ (theo Phật giáo) vẫn trung thành với người Anh, trong khi đó

người Arakan theo người Nhật, dẫn đến cuộc đụng độ giữa những người theo Phật giáo (ở Rakhine) và người Rohingya⁴¹.

Ngoài ra, một làn sóng di cư của hàng trăm nghìn người Rohingya khác từ một vùng đất có tên là Bengal sang thành phố cảng Akyab để tìm kiếm việc làm khi người Anh chiếm đóng ở đây từ những năm 1820 lại càng củng cố định kiến rằng người Rohingya Islam giáo ở Rakhine là "những người ngoài bất hợp pháp" và họ bị gọi miệt thị là "Bengali". Những người Rakhine theo Phật giáo tại đây phản đối việc nhập cư hàng loạt của người Rohingya, bởi họ cho rằng những người mới đến chỉ gây ra những vấn đề xã hội trên đất nước Myanmar. Chính vì vậy, mâu thuẫn giữa hai nhóm dân tộc này ở Myanmar ngày càng leo thang và dẫn đến nguy cơ khủng hoảng vấn đề di cư.

Cũng nhìn từ góc độ lịch sử, khu vực miền Nam Thái Lan đã từng thuộc về Sultanate Pattani xưa kia với một lịch sử về vang chống ngoại xâm, tiếp thu Islam từ rất sớm và là cái nôi của nền văn hóa Melayu. Người Melayu Muslim luôn ý thức cho tới tận ngày nay rằng mình thuộc về vương quốc Melayu - Pattani một thời. Sự phân chia, tan vỡ lãnh thổ và sự sáp nhập vào Vương quốc Thái Lan Phật giáo là một phần nguyên nhân khiến người Melayu nổi dậy, đứng lên cầm súng để bảo vệ sự vinh quang trong quá khứ và tìm lại bản sắc riêng của mình⁴².

2. Nguyên nhân kinh tế - xã hội

Xung đột tộc người, tôn giáo cũng xuất phát từ tầng lớp dân nghèo, điều kiện sống

khó khăn. Sự phát triển của khoa học - công nghệ làm cho kinh tế có những bước phát triển vượt bậc nhưng nó cũng tạo ra sự phân tầng xã hội; độ đoãng giàu - nghèo ngày càng lớn và khó có thể san lấp được. Chính điều này tạo ra mâu thuẫn giữa người nghèo và người giàu; đó là mâu thuẫn mà không thể giải quyết bằng những biện pháp nhất thời, do vậy xung đột còn thường xuyên xảy ra, nhất là ở những vùng có tỷ lệ chênh lệch giàu nghèo cao, sự khác biệt lớn về văn hóa và tôn giáo.

Lịch sử đã chứng minh, nguyên nhân sâu xa của tình trạng căng thẳng trong vấn đề dân tộc là những mâu thuẫn kinh tế - xã hội, địa vị và quyền lợi về kinh tế chính trị, xã hội khác nhau giữa các tập đoàn người, mâu thuẫn giữa giới chóp bu của tộc người thống trị và quần chúng của tộc người bị áp bức, hoặc là mâu thuẫn giữa các tổ chức lãnh đạo của các tộc người khác nhau (giữa các phe cánh phong kiến trong một xã hội phong kiến đa tộc người; giữa tư sản dân tộc trong xã hội tư bản). Một nguyên nhân khác nữa dẫn tới bùng nổ xung đột tộc người chính là sự phân biệt đối xử về kinh tế - sự chu cấp kinh phí, đầu tư phát triển kinh tế thiên lệch ở các bang hoặc giữa những vùng có các cộng đồng tộc người khác nhau sinh sống⁴³.

Chẳng hạn như ở Philippines, sau khi giành được độc lập vào năm 1946, Philippines đã thi hành hàng loạt chính sách hợp nhất về hành chính, kinh tế ở các tỉnh miền Nam nhằm đưa khu vực này hòa vào sự phát triển chung của đất nước. Tuy nhiên, chính sách đó không có lợi cho người Moro theo đạo Islam. Người Moro coi

việc xây dựng và mở rộng hệ thống các trường học miền Nam là nhằm xóa bỏ tôn giáo và bản sắc dân tộc, cưỡng bức họ phải chấp nhận văn hóa Ki-tô giáo. Việc chính phủ khuyến khích di dân một cách ồ ạt từ các tỉnh phía Bắc xuống phía Nam để định cư và xây dựng kinh tế mới với những ưu tiên đặc biệt cho người Ki-tô giáo hay việc sung công những khu vực đất đai người Islam giáo đang canh tác do không có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu đều vấp phải sự phản kháng của người Moro... Trước tình hình đó, người Moro bắt đầu đòi tự trị và sau nữa là triển khai phong trào phân lập, họ đòi tách ra khỏi Philippines. Xung đột kéo dài và chính phủ đã có những biện pháp giảm thiểu bằng cả chính sách kinh tế - xã hội và biện pháp cứng rắn⁷¹.

Tại Indonesia, bất công trong việc phân phối thu nhập từ tài nguyên thiên nhiên cũng như việc điều tiết nguồn thu nhập giữa các giai tầng xã hội là một trong những nguyên nhân góp phần gây xung đột. Nền kinh tế "new order" trong thời kỳ ông Suharto cầm quyền đã xóa bỏ nền kinh tế kế hoạch, thực hiện nền kinh tế thị trường, tiến hành trả lại các tài sản tư bản của nước ngoài và trong nước đã bị quốc hữu hóa, khuyến khích đầu tư nước ngoài, thực hiện chính sách đối ngoại thân phương Tây. Hậu quả lớn nhất của hơn 30 năm thực hiện nền kinh tế "new order" ở Indonesia là sự bất công trong phân phối nguồn thu nhập từ tài nguyên⁷². Điều này thể hiện rõ ở cả hai khu vực đều tồn tại những xung đột gay gắt, đó là Aceh và Irian Jaya. Cả Aceh và Irian Jaya đều có nguồn tài nguyên giàu có: Aceh cung cấp dầu lửa và khí đốt cho xuất khẩu và tiêu

dùng trong cả nước; trong khi đó Irian Jaya cung cấp vàng và đồng cho nền công nghiệp khai khoáng dùng cho xuất khẩu và sản xuất.

Tại Aceh, 80% nguồn thu nhập từ thuế đánh vào tài nguyên tại đây dành nộp ngân sách trung ương, còn lại ngân sách địa phương chỉ được nhận 20%, dẫn đến việc không đủ khả năng cải tạo hạ tầng cơ sở, không nâng cao phúc lợi xã hội, thu nhập chỉ tăng 4-5% so với tăng trưởng sản xuất dầu lửa 15-20%, thậm chí lên tới 20-40% trong giai đoạn 1966-70, từ đó gây ra bất bình cho người dân nơi đây⁷³.

Tình trạng bất công cũng diễn ra tương tự ở khu vực Irian Jaya, thậm chí còn tồi tệ hơn khi khu vực này được đánh giá là một trong những khu vực nghèo nhất Indonesia. Thu nhập bình quân đầu người chỉ hơn 100 USD so với bình quân cả nước là 1.100 USD (tức chỉ bằng 1/10). Gần 40,8% ngân sách nhà nước đầu tư cho khu vực Tây Java và các khu vực được nhận đầu tư ít nhất lần lượt là: Irian 2,1%, Aceh và Maluku đều chỉ nhận 1,2%. Bất đồng về kinh tế cũng là bản chất gây mâu thuẫn giữa người Hoa và người bản địa Indonesia, khi người Hoa thiếu số nắm trong tay 70% nguồn tư bản tư nhân, cả nước có 17 tập đoàn tư bản mạnh nhất cũng do người Hoa nắm giữ, kiểm soát tới 85% mì sợi, 45% tổng số xi măng của cả nước, nắm 4 ngân hàng lớn nhất cả nước⁷⁴.

Có thể nói Thái Lan cũng là một nước có tình trạng bất ổn ở phía Nam do sự quan tâm không hợp lý của Nhà nước. Nhiều chương trình đầu tư phát triển kinh tế phía Nam không thành công vì nạn

tham nhũng tràn lan, khiến cho người dân không tin vào chính phủ. Khi chính phủ tiến hành chính sách di dân để giải quyết những vấn đề bất cập về kinh tế lại không có sự giải thích rõ ràng đối với những dân tộc đang cư trú bản địa, gây tâm lý hoang mang về sự mất lãnh thổ, bản sắc văn hóa... của những dân tộc ít người đang cư trú ở phía Nam. Khi những người Thái Phật giáo được chuyển từ phía Bắc xuống phía Nam họ được giao sở hữu phần lớn đất đai trồng trọt và làm công nghiệp, những người Melayu Muslim chủ yếu làm thuê trên chính quê hương của mình. Tỷ lệ thất nghiệp trong thanh niên Muslim luôn cao, số người nghiện ma túy cũng ngày một tăng. Đời sống nghèo đói, mất bản sắc văn hóa...; do vậy, họ luôn tìm cách để chống lại, tạo ra những bất ổn của vùng Nam Thái Lan⁽¹⁾.

Thật vậy, chiến lược đầu tư bất hợp lý giữa các vùng miền khiến cho tình trạng đói nghèo gia tăng, khoảng cách giữa người giàu và người nghèo ngày càng lớn, gây bất mãn trong tầng lớp nhân dân nghèo khổ. Không những vậy, ở một số quốc gia, dân tộc còn thiếu sự quan tâm hợp lý đến kinh tế, văn hóa riêng của những dân tộc ít người; điều này cũng tạo cho họ tâm trạng bất an, do đó, họ luôn có ý muốn chống lại nhà nước, hoặc những dân tộc có ý khinh miệt, để bảo đảm quyền lợi của mình.

3. Nguyên nhân khác biệt về tôn giáo và văn hóa

Một bộ phận tộc người thiểu số trong cùng một quốc gia luôn đấu tranh chống lại tộc người đa số nắm quyền cai trị, không chịu sự thống trị của chính quyền, đòi ly

khai cũng là những nguyên nhân gây nên những cuộc xung đột. Những tộc người ở những quốc gia khác nhau có thể gây nên xung đột giữa hai quốc gia, thậm chí có thể là một cuộc chiến tranh.

Ví dụ điển hình, có thể kể đến cuộc xung đột ở Pattani (Thái Lan). Trong lịch sử, Pattani từng là một trong những vương quốc cổ nhất trên bán đảo Melayu và là cái nôi thực sự của nền văn minh Melayu. Nơi đây từng là một trung tâm buôn bán, xuất nhập khẩu hàng hóa sôi động và có các mối bang giao rộng rãi với Trung Quốc, Nhật Bản, Srivijaya và cũng là nơi dừng chân của các lái buôn Muslim Ấn Độ. Người Xiêm (nay là Thái Lan) đã cố gắng chinh phục các tiểu bang Melayu thuộc miền Bắc của bán đảo Melayu từ rất sớm, bắt đầu từ cuối thế kỷ XIII. Năm 1909, chủ quyền của Xiêm đối với Pattani được công nhận. Tuy bị sáp nhập vào vương quốc Thái Lan và trở thành một khu vực hành chính dưới sự kiểm soát của chính phủ Thái Lan, người Melayu Pattani vẫn luôn ý thức mình là người Melayu Muslim, với tiếng nói riêng, văn hóa riêng cùng các phong tục tập quán riêng, khác biệt với người Thái theo Phật giáo. Trong ý thức của nhiều người, người Thái đã sáp nhập quê hương của họ bằng bạo lực và cưỡng bức họ từ bỏ bản sắc văn hóa của mình để trở thành người Thái. Chính vì vậy, họ luôn hướng về thế giới Melayu và tổ chức các cuộc khởi nghĩa chống lại chính phủ. Trong khi đó, suốt thế kỷ XX, Chính phủ Thái Lan đã coi nhẹ các chính sách về ngôn ngữ, văn hóa Malayu, thực hiện các chính sách đồng hóa thô bạo đối với họ, áp dụng chương trình giáo dục bắt buộc, đóng

của một số trường Islam giáo truyền thống¹². Chính bởi vậy, sự phản ứng ngày càng tăng, khi âm ỉ, khi bùng lên thành các cuộc khởi nghĩa lớn.

Điều này cũng tương tự với cuộc xung đột tại Irian Giaya ở Indonesia. Nếu người Java, người Sumatra, người Kalimantan, thậm chí người Aceh, có chung một nền văn hóa Mã Lai và cũng theo một tôn giáo, thì đó là Islam giáo. Sự khác nhau giữa họ chỉ là về mặt tộc người và ngôn ngữ. Còn người Irian Giaya khác với phần còn lại của Indonesia cả về mặt tộc người lẫn tôn giáo. Người Irian Giaya có ngôn ngữ tương đồng với người Papua New Ghine nên được gọi là Tây Papua. Cư dân tại khu vực này theo tín ngưỡng truyền thống, bên cạnh thờ một vị thần chung thống nhất thì còn thờ các vị thần linh thiêng của mình. Chính bởi vậy, khi các cuộc di dân ồ ạt từ Java mang theo nền văn hóa Islam giáo hoàn toàn xa lạ với họ đã khiến họ cho rằng mình không thuộc về Indonesia và có tư tưởng đòi tách Irian Giaya ra khỏi Indonesia¹³.

Nghiên cứu về người Moro trong lịch sử Philippines cũng cho thấy những khác biệt về lối sống, phong tục tập quán, văn hóa của hai cộng đồng dân tộc thuộc hai tôn giáo khác nhau đã dẫn đến những xung đột gay gắt. Thuật ngữ Moro xuất phát từ "Moor" - tên gọi một dân tộc ở miền Bắc Phi theo Islam giáo đã xâm lược và thống trị Tây Ban Nha trong suốt 800 năm. Tên gọi này để phân biệt người Islam giáo với người Thiên Chúa giáo ở Philippines. Trong tiềm thức của người Philipino Ki-tô giáo, Moro là tên gọi các tộc người lạc hậu,

những người từ chối lối sống hiện đại và chống đối lại chủ trương "Philipino hóa" và "Ki-tô giáo hóa" của chủ nghĩa thực dân Tây Ban Nha trước kia và chính phủ Philippines sau này. Không những thế, cái tên Moro còn ám chỉ những người bị coi là ngu dốt, hoang dã, đa thê, nô lệ và cướp bóc¹⁴... Chính bởi bị gán cho những tiếng xấu như vậy nên người Islam giáo rất bất bình và phản ứng lại, yêu cầu được gọi là người Muslim hay người Muslim Philippin. Đến những năm 70 của thế kỷ XX, tên gọi Moro được cả hai phía thừa nhận, một số người Islam giáo còn tuyên bố mình là "Bangsa Moro" ("Dân tộc Moro") đối lập với "Bangsa Philipino" ("Dân tộc Philipino") và ủng hộ phong trào ly khai (xây dựng "Cộng hòa Bangsa Moro").

4. Vài quan điểm khác về xung đột tộc người, tôn giáo

Ngoài những nguyên nhân về kinh tế, lịch sử hay khác biệt về văn hóa... xung đột tộc người, tôn giáo còn nảy sinh vì một số nguyên nhân khác. Thứ nhất¹⁵, vai trò của cộng đồng quốc tế trong việc dập tắt các lò lửa xung đột còn nhiều hạn chế; rất nhiều nước, nhiều tổ chức, nhiều chính khách của thế giới, đặc biệt là Liên Hợp Quốc tích cực hoạt động nhưng hiệu quả chưa được như mong muốn, đôi khi sự can thiệp từ bên ngoài còn làm trầm trọng hơn vấn đề xung đột.

Thứ hai, hầu như tất cả các xung đột tộc người đó đều chứa đựng các lợi ích của nước trực tiếp tham gia và cả những nước đứng ngoài. Trong các cuộc xung đột, không ít những phần tử bên ngoài muốn lợi dụng để phục vụ cho mục đích chính trị và thương

mại. Nhiều khi các lực lượng bên ngoài núp danh "việc thiện" để làm "điều ác".

Thứ ba, chính chủ nghĩa đế quốc, những kẻ lái súng, trong không ít trường hợp đã "đổ thêm dầu vào lửa". Để bán được nhiều vũ khí, những tên lái súng của thế giới hiện đại không bao giờ muốn một thế giới thanh bình. Ngoài miệng thì chúng rêu rao "hòa bình", nhưng thực chất bên trong lại xúi bẩy, tiếp tay hoặc tìm mọi cách gây mất ổn định để có cơ kiếm lời. Sự can thiệp của lực lượng ngoài biên giới quốc gia cũng góp phần không nhỏ thổi bùng ngọn lửa xung đột¹⁶¹. Ngoài ra, những bất cập chính sách của Chính phủ cũng có thể bị khai thác, xuyên tạc nhằm tạo sự hiểu nhầm giữa các cộng đồng thiểu số với nhà nước, dẫn đến biểu tình, bạo động, đòi ly khai... Các thế lực này thường sử dụng công cụ hỗ trợ tài chính để thúc đẩy tranh chấp đất đai, lãnh thổ thông qua các bộ phận bất mãn để tổ chức biểu tình, bạo động vũ trang (trường hợp Philippines, Thái Lan...).

Một cách giải thích khác về các cuộc xung đột xảy ra trên thế giới theo lập luận của Samuel Huntington được thể hiện như sau¹⁷¹: Thứ nhất, các yếu tố như tôn giáo, lịch sử, ngôn ngữ, văn hóa, truyền thống là những căn cứ để phân biệt giữa các nền văn minh với nhau. Người dân ở các nền văn minh khác nhau có sẽ những quan điểm riêng biệt về quan hệ giữa con người với Đấng tối cao, giữa cá nhân với cộng đồng, giữa công dân với quốc gia... Thứ hai, quá trình hiện đại hóa kinh tế và biến đổi xã hội trên phạm vi toàn cầu sẽ dẫn đến sự phai mờ bản sắc lâu đời. Thay vào đó, các hệ thống tôn giáo lớn trên thế giới sẽ

nắm giữ vai trò này, thường là dưới dạng các phong trào được gọi là "trào lưu chính thống". Thứ ba, phương Tây đóng vai trò kép trong việc cải thiện ý thức về nền văn minh. Một mặt, nền văn minh phương Tây đang ở đỉnh cao của quyền lực. Mặt khác, điều này dẫn đến hiện tượng các nền văn minh phi phương Tây đang tìm cách quay lại các giá trị gốc rễ. Trong quá khứ, giới tinh hoa của các xã hội phi phương Tây thường là những người có quan hệ mật thiết với phương Tây, được giáo dục tại những ngôi trường tốt, hấp thu các quan niệm và giá trị phương Tây. Trong khi đó, dân chúng ở các nước phi phương Tây thường lại thấm nhuần văn hóa bản địa. Tuy nhiên, các mối quan hệ này lại bị đảo ngược. Một quá trình phi phương Tây và bản địa hóa của giới tinh hoa đang diễn ra ở nhiều quốc gia ngoài phương Tây cùng lúc với việc các giá trị văn hóa, phong cách và thói quen của phương Tây ngày càng trở nên phổ biến với những người dân thường.

Tuy vậy, cũng có những quan điểm phản biện Huntington, trong đó có Edward W. Said. Ông cho rằng phần lớn lập luận của Huntington phụ thuộc vào các quan điểm thứ cấp lật vật, những quan điểm đã bỏ qua rất nhiều các bước tiến lớn lao trong tri thức lý thuyết và thực tế về cách thức mà các nền văn hóa vận hành, thay đổi, cũng như cách thức làm sao để có thể nắm vững và thấu hiểu các nền văn hóa ấy. Cách ông quan sát hơi hợt về các dân tộc và các quan điểm được ông nêu ra gây nên ấn tượng rằng các nguồn tư liệu chính mà ông sử dụng là báo chí và chính sách mị dân chứ không phải là lý thuyết hoặc nghiên cứu chuyên sâu¹⁸¹.

Edward bắt đầu nghiên cứu thế giới bằng nhận xét về hiện tượng ở đâu người ta cũng phát biểu nhân danh những thứ trừu tượng lớn lao, mơ hồ để lôi kéo dưới nhãn mác tôn giáo, chủng tộc và tộc người vào trong các ý thức hệ. Việc này thường xuất hiện trong các thời điểm có sự bất an sâu sắc, nghĩa là khi các dân tộc dường như gần xung đột với một dân tộc khác, hành động đó hoặc như là kết quả của sự bành trướng, chiến tranh, chủ nghĩa đế quốc và di cư, hoặc như là hệ quả của một sự thay đổi nào đó diễn ra bất ngờ chưa từng có tiền lệ. Ông đưa ra một ví dụ chứng minh rõ nhất là quan niệm về sứ mệnh khai hóa văn minh [civilizing mission] do người Pháp đặt ra, la mission civilisatrice, một khái niệm cơ bản của thủ đoạn này là cái ý tưởng cho rằng một số chủng tộc và nền văn hóa nào đó có một mục tiêu cao cả hơn so với các chủng tộc và các nền văn hóa khác. Điều này đem lại cho các chủng tộc mạnh hơn, phát triển hơn, văn minh hơn cái quyền biến các chủng tộc, lãnh thổ khác thành thuộc địa, không nhân danh sức mạnh vũ lực tàn bạo hay sự cưỡng đoạt thô thiển - cả hai đều là các thành tố chuẩn mực cho việc thi hành - mà nhân danh một lý tưởng cao quý.

Và đáp lại kiểu logic này sẽ xây đến hai hiện tượng. Thứ nhất là việc các cường quốc kinh địch nhau đã kiến tạo nên lý thuyết cho riêng mình về thiên năng văn hóa hoặc văn minh để biện minh cho các hành động của mình ở nước ngoài. Hiện tượng thứ hai xây ra, như chính Huntington đã thừa nhận, các dân tộc nhược tiểu, mục tiêu của sự dòm ngó đế quốc đáp trả bằng việc kháng cự lại các

hoạt động vũ lực và khai thác thuộc địa của các đế quốc.

Edward cũng cho rằng nền văn hóa chính thống là nền văn hóa của các thầy tu, các học viện, và của nhà nước. Nó cung cấp các định nghĩa về chủ nghĩa ái quốc, lòng trung thành, về biên giới, và về cái được gọi là sở thuộc. Chính nền văn hóa chính thống này cất lên tiếng nói nhân danh toàn thể, cố gắng thể hiện ý chí chung, đặc tính chung, tư tưởng muốn nắm trọn vẹn trong quá khứ chính thống, các văn bản và các nhà lập quốc, điện thờ các vị anh hùng và những tên vô lại, v.v.. và đồng thời trực xuất cái bị cho là ngoại dị, khác biệt hoặc không được ưa thích trong quá khứ. Từ đó sẽ hình thành nên các định nghĩa về cái có thể hoặc không thể nói ra, những cấm đoán và bài trừ như những yếu tố cần thiết cho bất cứ nền văn hóa nào nếu nó muốn có quyền uy.

Kết luận

Sự đa dạng và phức tạp trong bức tranh tộc người, tôn giáo ở Đông Nam Á là môi trường thuận lợi để cho chủ nghĩa ly khai phát triển và bùng nổ khi có "chất xúc tác". Sự đa dạng về tôn giáo trong khu vực tạo nên sự phong phú về đời sống tâm linh, và bản sắc văn hóa của các quốc gia. Tuy nhiên, sự tồn tại đan xen nhiều tôn giáo trong một quốc gia, một địa phương với tỷ lệ tín đồ chênh lệch cùng những quan niệm lầm lạc đã dẫn tới những xung đột tôn giáo kéo dài. Đồng thời, do tác động của chính sách kinh tế - xã hội, chính sách tôn giáo chưa phù hợp cùng với những nguyên nhân do lịch sử để lại, những hậu quả của chính sách thống trị của chủ nghĩa thực dân,

những xung đột tôn giáo, tộc người diễn ra ngày càng gay gắt và triền miên ở một số quốc gia trong khu vực. Các xung đột xảy ra đôi khi không phải do một nguyên nhân mà là sự hòa trộn, cộng hưởng giữa nhiều nguyên nhân với nhau. Từ chủ nghĩa ly khai dân tộc đến các hoạt động bạo loạn, hoạt động khủng bố nhằm đạt tới các yêu sách về chính trị đã trở thành một thực tế lịch sử tồn tại ở một số nước Đông Nam Á, điển hình là ở Philippines, Indonesia, Thái Lan và nhất là xung đột tộc người, tôn giáo và hoạt động ly khai đang diễn ra mạnh mẽ ở Myanmar.

CHÚ THÍCH

- Martin Bjorkhagen (2013), *The Conflict in the Moluccas: Local Youths' Perceptions Contrasted to Previous Research*. <https://muep.mau.se/bitstream/handle/2043/19217/BjorkhagenBATHesis.pdf?sequence=2>.
- Jon Goss (2000), Understanding the "Maluku Wars": Overview of Sources of Communal Conflict and Prospects for Peace, *Cakalele*, Vol. 11, tr.7-39
- David Adam Stott (2017), Integration and conflict in Indonesia's spice islands, *The Asia-Pacific Journal*, Vol. 15, Issue 11, No. 4
- A. K. M. Ahsan Ullah (2016), "Rohingya Crisis in Myanmar: Seeking Justice for the 'Stateless'", *Journal of Contemporary Criminal Justice*, Vol. 32(3) 285-301
- Phạm Thị Vinh (2007), "Người Melayu Muslim và phong trào ly khai ở Thái Lan" trong sách *Một số vấn đề về xung đột sắc tộc và tôn giáo ở Đông Nam Á*, Nxb. Khoa học xã hội, tr.164.
- Đình Hiền Châu (2001), "Nguyên nhân của các xung đột tộc người ở châu Á và châu Phi" trong cuốn *Tộc người và xung đột tộc người trên thế giới hiện nay* do Nghiêm Văn Thái (Chủ biên), Hà Nội, tr.146.
- Hà Đan (2015), "Xung đột tôn giáo - sắc tộc ở Đông Nam Á và những tác động của nó tới tình hình an ninh - chính trị khu vực", *Tạp chí Công tác Tôn giáo*, số 3, tr. 53-59.
- Phạm Thị Phương Linh (2016), "Trật tư mới" ở Indonesia - mô hình cải cách "nửa vời", *Tạp chí Khoa học*, trường Đại học Cần Thơ, 46c: 90-95.
- Bùi Huy Thành (2007), "Về một số nguyên nhân xung đột sắc tộc và tôn giáo ở Indonesia trong những thập kỷ gần đây", *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 3, tr.69.
- Bùi Huy Thành (2007), tldd, tr.70.
- Phạm Thị Vinh (2007), tldd, tr.203.
- Nguyễn Hồng Quang (2015), "Giải quyết xung đột tôn giáo - sắc tộc ở miền Nam Thái Lan từ thời kỳ Thủ tướng Yingluck đến nay" *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9 (147), 76-84.
- David Adam Stott (2017), tldd.
- Phạm Thị Vinh (2007), tldd, tr.113.
- Đặng Tài Tính (2015), "Sự can thiệp từ bên ngoài là đổ dầu vào xung đột sắc tộc, tôn giáo", *Tạp chí Công tác tôn giáo*, số 6.
- Nguyễn Công Thảo (2018), "Tổng quan về các nguyên nhân tác động tới xung đột tộc người trên thế giới", *Tạp chí Dân tộc học*, số 1, tr.12-20.
- Samuel P. Huntington (1993). "The Clash of Civilizations?" *Foreign Affairs*, No. 72 (Summer), pp.22-49.
- <http://ngnhuencuuquocte.org/2016/05/29/phan-bien-huntington-dung-do-dinh-nghia/>; Edward W. Said: "The Clash of Definitions", in *Reflections on Exile and Other Essays*(Harvard University Press, Cambridge, Massachusetts, 2000, pp.569-590).